

ĐÀO TẤN, CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM (1845 - 1907)



*H 1: Chân dung Đào Tấn
(Ảnh thờ tại từ đường
ở làng Vinh Thạnh)*

I - TIỂU SỬ

Ông nguyên có tên là Đào Đăng Tấn (陶登進), vì tránh quốc húy bỏ chữ Đăng, nên gọi gọn Đào Tấn. Ông sinh ngày 27 tháng 2 năm Ất Tỵ, tức ngày 3- 4- 1845, Thiệu Trị thứ 5. Quê quán tại làng Vinh Thạnh, tổng Thời Tú, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định; nay là thôn Vinh Thạnh 2, xã Phước Lộc,

huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Mất ngày ngày rằm tháng 7 năm Đinh Mùi (Thành Thái thứ 19) nhằm ngày 23 tháng 8 năm 1907, hưởng thọ 63 tuổi.

Đào Tấn, tự là Chi Thúc (止叔), hiệu là Mộng Mai (夢梅) và Tô Giang (蘇江), biệt hiệu là Tiểu Linh Phong (小靈峯) và Mai Tăng (梅僧). Lúc nhỏ, ông được may mắn thọ giáo cụ Tú Nguyễn Diêu (阮窯), người làng Nhơn Ân, nay là thôn Nhơn Ân xã Phước Thuận cùng huyện; không những được thầy dạy chữ để đi thi mà còn đào tạo thành một nhà soạn tuồng. Năm 19 tuổi, lúc còn học với thầy, ông soạn tuồng đầu tay *Tân Dã Đôn*, nổi tiếng từ ấy.

Năm 23 tuổi, ông đỗ Cử nhân thứ 8/15 khoa Đinh Mão (1867), tại trường thi Bình Định. Năm 1871, Tự Đức thứ 24, ông được sơ bổ Điển tịch, sung vào Hiệu thư ở Nội các, tức hội nhà văn của Triều đình, lo việc biên soạn và sáng tác, do vua Tự Đức làm chủ tọa.

Ông làm quan trải ba triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái:

- Từ chức Điển tịch (1871);
- Hai lần Thừa Thiên phủ doãn (1882 và 1887);
- Ba lần Tổng đốc: An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh: 1889 và 1898), Tổng đốc Nam Ngãi (1898);
- Bốn lần làm Thượng thư: bộ Công (2 lần: 1894 và 1902), bộ Binh (1896), bộ Hình (1897);
- Sung Cơ mật viện Đại thần, tước Vinh Quang tử (1902).

II - TÁC PHẨM

Trong sự nghiệp văn học, Đào Tấn Đào Tấn sáng tác khá nhiều, và đủ các thể loại:

- Về soạn tuồng: có khoảng 40 kịch bản sáng tác hoặc nhuận sắc; những tuồng nổi tiếng như *Vạn Bửu Trình Tường*, *Tân Dã Đôn*, *Cổ Thành*, *Diễn Võ Đình*, *Hộ Sanh Đàn*, *Trầm Hương Các*, *Hoàng Phi Hồ Quá Giới Bài Quan...*

- Thơ chữ Nho, tập *Mộng Mai Ngâm Thảo* đã thất lạc. Nay còn *Tiên NghiêM Mộng Mai Ngâm Thảo*, dày 236 trang, gồm 113 bài thơ, do Trúc Tiên và Chi Tiên (ái nữ ông Đào) ký lục, Tịnh Ba phụng sao. Và tập *Mộng Mai Thi Tôn*, dày 74 trang, gồm 37 bài thơ, Nguyễn Tông phụng sao.

- Từ có tập *Mộng Mai Từ Lục*, dày 68 trang, gồm 59 bài từ, Nguyễn Tông phụng sao.

- Văn có *Linh Phong Tự Ký*, *Tang Sự Trích Biên*, *Hí Trường Tùy Bút*.

- Biểu và văn tế có *Biểu Tạ Ôn* khi nhận tước phong Vinh Quang tử và văn tế *Tạ Câu Mưa* tại Đền Cồn Nghệ An.

- Câu đối hiện còn 19 câu, trong đó có 3 câu đối điều lãnh tụ, tướng lãnh Cần Vương.

- Nhạc có tập *Nhạc Chương Khúc Điệu*.

Tóm lại, thơ và từ Đào Tấn hiện còn lưu giữ khá nhiều, nhưng hầu hết bằng chữ Nho chỉ có ba bài thơ Nôm. Thơ ông bàng bạc xa xăm lòng nhân ái đến vận nước, tình nhà, nỗi dân. Cuộc đời làm quan lúc nào cũng nghĩ đến chuyện sớm về hưu và giữ lòng trong sạch, công bằng.

III - KHUYNH HƯỚNG THI CA

Đào Tấn thuộc nhóm cảm tình Văn thân và Cần Vương, qua thơ văn và câu đối còn để lại, đã cho thấy:

- Lúc còn là học trò, ông đã làm 3 bài thơ thất ngôn tứ tuyệt *Tặng Trương Công Định Lãnh Binh* (xem Thơ tiêu biểu, bài 2)

- Năm 1882, ông đang giữ chức Thừa Thiên Phủ doãn, nghe tin Hà Thành thất thủ lần thứ hai, cảm phục tấm gương tử tiết theo thành của Tổng đốc Hoàng Diệu, ông có bài *Khốc Hoàng Quang Viễn* (xem Thơ tiêu biểu, bài 3)

- Lúc làm Thượng thư ở Kinh (1894 - 1907), nghe tin Phan Đình Phùng mất (1896), ông làm thơ *Khốc Phan Đình Nguyên* (xem Thơ tiêu biểu, bài 4), và câu đối điều [1].

- Năm 1900, khoa Canh Tý, Phan Bội Châu thi Hương đỗ Giải nguyên (1/30) tại Trường thi Nghệ An, với số điểm khá cao vượt xa điểm của người đỗ nhì, nên Chánh chủ khảo Khiếu Năng Tĩnh cho đăng tên ông vào một bảng riêng để vinh danh. Lúc ấy Đào Tấn đang làm Tổng đốc An Tĩnh lần thứ hai (1898 - 1902), có câu đối *Tặng Phan Bội Châu*:

Lưỡng tuế tam nguyên thiên hạ hữu;

兩歲三元天下有;

Độc danh nhất bảng thế gian vô.

獨名一榜世間無。

Việt thao phụng dịch:

Hai năm, đỗ đầu ba lần, thiên hạ có;

Một tên, đứng riêng một bảng, thế gian không.

- Năm 1901, Phan Bội Châu mưu khởi nghĩa, đánh thành Nghệ An, việc bại lộ, nhờ có Đào Tấn, lúc ấy làm Tổng đốc Nghệ Tĩnh lần thứ hai (1898 - 1902), che chở nên khởi bị bắt. Trong sách *Phan Bội Châu Niên Biểu* (Hồi ký của Phan Bội Châu, Nguyễn Khắc Ngữ chú thích, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa xuất bản, tại Sài Gòn, năm 1971), Chương II: Bắt tay vào Cách mạng, trang 26 & 27, Cụ Phan chép: "...Đến ngày đó (14- 7- 1901) hội nhau ở dưới thành, nhưng cánh nội ứng sai hẹn, việc phải đình chỉ. Vì có ấy, đảng mưu có hơi bại lộ, bị mật thám là Nguyễn Đĩnh dò biết được, mật cáo ở tòa Công sứ. May lúc đó quan Tổng đốc Nghệ An là cụ Đào Tiên

(Đào Tấn), cho việc tôi làm là phải, hết sức che chở, nên chưa bại lộ. Tôi từ lúc ấy mới chuyên chú để lòng vào cách âm cầu nội ứng.”

- Năm 1902, khánh thành cầu sắt bắc qua sông Nhị Hà, nhân dịp này ông cấp giấy thông hành cho Phan bội Châu ra Bắc. Nhờ có giấy phép hợp lệ, cụ Phan đến đồn Phồn Xương yết kiến Hoàng Hoa Thám và đi khắp xứ Bắc Kỳ tìm đồng chí. Cũng trong sách *Phan Bội Châu Niên Biểu*, trang 27 & 28, Cụ Phan chép tiếp: “Tháng 11 năm ấy tôi muốn tự đi đến đồn Cụ Hoàng (Hoa Thám). Nhân dịp cầu sắt sông Nhị Hà lạc thành (2- 2- 1902), ở Bắc Kỳ có mở hội bác lãm, tôi xin với Cụ Tổng Đốc Đào cấp giấy cho tôi đi xem hội (Cụ tên là Đào Tiến, Cử nhân tỉnh Bình Định, làm Tổng Đốc Nghệ An hai lần). Nhờ đó mới được chơi khắp Bắc Kỳ, thăm hết những người đảng nghĩa cũ còn sót lại...Khi tôi đã tới đồn Phồn Xương, để ông Kiểm Phong ở ngoài đồn. Lúc đó kiện tướng cụ Hoàng là ông Cả Dinh, ông Cả Huỳnh với con trai đầu của cụ là Cả Trọng đem tỳ tá bộ hạ Quản Hiền, Quản Tề ra tiếp tôi, lưu tôi ở trong đồn hơn 10 ngày...Cụ (Hoàng) có nói như Trung Kỳ nay thủ xưởng đại nghĩa thì Cụ cũng vui lòng làm quân ứng viện.”

- Trong sách “*Cuộc Đòi Cách Mạng Cường Đê*” Tráng Liệt (con Cường Đê) tự xuất bản, tại Sài Gòn, năm 1957, nơi trang 13 & 14, Kỳ Ngoại Hầu Cường Đê có đề cập đến chuyện Đào Tiến (tức Đào Tấn) là một trong những người đầu tiên tham gia Duy Tân Hội:

“Cách đó vài tháng thì Việt Nam Quang Phục Hội thành lập (tác giả viết lầm [2], đúng ra là Duy Tân Hội thành lập năm 1904) do ông Phan (Bội Châu) cùng nhóm Nguyễn Hàm tổ chức theo kế hoạch đã bàn tính cùng bí nhân (tức Cường Đê). Hội đồng thành lập họp tại Nam Thành sơn trang, tức là nhà Nguyễn Hàm ở Quảng Nam. Những người nhập hội đầu tiên là Trần Đình Phúc, Nguyễn Hữu Bài, Nguyễn Thuật, Nguyễn Thắng, Đào Tiến (Tấn), Phạm Tấn và Đốc Vân Hiền (theo đạo Gia Tô), đều người trong quan trường và có óc trung quân ái quốc.”

- Lúc Phan Bội Châu xuất ngoại, lập Phong trào Đông Du, ông Đào làm thơ *Ức Phan San* (xem Thơ tiêu biểu, bài 5).

- Ngoài ra, Đào Tấn còn có câu đối điếu Mai Xuân Thưởng, lãnh tụ Cần Vương tỉnh Bình Định [3]:

*Bình tặc chí nan thành,
anh phong Linh Đông xuy cao thụ;
平賊志難成,
英風靈洞吹高樹;
Định biên công vị toại,
hùng khí Côn giang phó bích lưu.
定邊功未遂,
雄氣崑江付碧流。*

Việt Thao phụng dịch:

*Đẹp giặc chí không thành,
gió mạnh động Linh thổi cây cao;
Giữ nước lòng chưa thỏa,
khí hùng sông Côn trao dòng biếc.*

Với dụng ý kín đáo lấy chữ đầu ở 4 vế ghép lại thành câu “Bình Định anh hùng” để tưởng nhớ đến nghĩa cử Mai Nguyên Soái.

Và câu đối điều Đề Niên (vị tướng lãnh cuối cùng của cuộc Khởi nghĩa Hương Khê) [4].

*Loạn hậu tôi tri quân, kiến kỳ sự mẫu hiếu,
dữ nhân thành, cứu hỹ tư tâm đa ái hộ;
亂後最知君見其事母孝
與人誠, 久矣私心多愛;
Tử tiên do yết ngã, thuyết tận xạ lộc,
hồi sắt ngư, khứ thúc nhiên nhất mộng cự phân mang.
死前猶謁我說尽射鹿
回叱牛去倏然一梦遽紛忙。*

Việt Thao phụng dịch:

*Sau cơn loạn rất hiếu ngài, thấy ngài hiếu với mẹ,
thật với bạn, từ lâu lòng riêng nhiều quý mến;
Trước khi chết còn gặp tớ, kể chuyện bắn con hưu,
đuổi con trâu, thế mà chớp nhoáng vội ra đi.*

Năm 1904, khoa Giáp Thìn, Hồ Sĩ Tạo đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân. Cũng vào năm này, Đào Tấn về hưu, sau 33 năm bao phen vất vả trên hoạn lộ. Ông Đào có đến mừng vị tân khoa câu đối:

*Lục tuần ngã dĩ hưu quan khứ;
六旬我已休官去;
Tam giáp quân sơ đắc đệ hồi.
三甲君初得弟回。*

Việt Thao phụng dịch:

*Sáu mươi, ta đã là quan hưu ra đi;
Tam giáp, ông lần đầu đỗ đạt lại về.*

Ông Đào đem chữ “khứ” đối chữ “hồi” với dụng ý kín đáo khuyên Tiến sĩ Hồ Sĩ tạo đừng ra làm quan trong lúc này, vì dù có chức cao như Ông rồi cũng phải về mà chẳng được ích gì. Câu đối ấy đã có tác động, năm 1908 ông Hồ Sĩ Tạo đang làm Tri huyện Tân Định (tỉnh Khánh Hòa), nhân lúc về quê thọ tang thân mẫu, tham gia vào Phong trào Khất Suu Kháng Thuế tại tỉnh nhà và được đồng bào tôn lên làm lãnh đạo.

Chưa hết, khuynh hướng cảm tình Càn Vương còn gửi gắm trong các tuồng Hát bội của Ông, thấp thoáng hình tượng hào hùng của người chiến sĩ xả thân cứu nước, thông qua những câu Hát nam để đời vừa lai láng chất thơ vừa mang chất thời sự nóng bỏng:

*Chút thân liều gửi cung dâu,
Đố con lương mã biết đâu là nhà.*
(Tuồng Diển võ Đình)

*Lao xao sóng bủa ngọn tùng,
Gian nan là nợ anh hùng phải vay.*
(Hộ Sanh Đàn)

III - THƠ TIÊU BIỂU

Bài 1

Nguyên văn:

題梅山壽園
閒向梅山卜壽園
石頭高踞笑无言。
梅山他日藏梅骨
應有梅花作夢魂。
(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

ĐỀ MAI SƠN THỌ VIÊN
*Nhàn hướng Mai sơn bích thọ viên,
Thạch đầu cao cừ tiếu vô ngôn.
Mai sơn tha nhật tàng Mai cốt,
Ứng hữu mai hoa tác mộng hồn [5].*
(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Nhân lúc rồi rảnh đến núi Huỳnh Mai chọn sinh phần,
Đứng trên chóp tảng đá cao mỉm cười mà không nói.
Núi Mai rồi ngày sau lại chứa xương mai,
Và có hồn mộng hóa thành đóa hoa mai.

Dịch thơ:

BÀI THƠ SINH PHẦN Ở NÚI MAI
*Tìm cảnh sinh phần ở núi Mai,
Mỉm cười trên đá ngắm khoan thai.
Núi Mai ngày ấy xương Mai gửi,*

Mộng hồn ung được hóa hoa mai.

VIỆT THAO phụng dịch

San Jose, ngày 15- 3- 1994

Bài 2

Nguyên tác:

贈張公定領兵

廣義地靈出一雄

南陲助劍誓兵戎。

書生自愧無韜略

執筆成詩表汝忠。

Phiên âm:

TẶNG TRƯỞNG CÔNG ĐỊNH,

LÃNH BINH [6]

Quảng Ngãi địa linh xuất nhất hùng,

Nam thùy trợ kiếm thệ binh nhung.

Thư sinh tự quý vô thao lược,

Chấp bút thành thi biểu nhữ trung.

(Đặc San Quảng Ngãi Bắc Cali 2005)

Dịch xuôi:

Quảng Ngãi đất thiêng sản sinh một đấng anh hùng,

Vào tận miền Nam góp kiếm hội binh thề chống giặc.

Thẹn mình là học trò không có tài điều binh khiển tướng,

Nên mượn bút làm thơ, nêu rõ tấm gương trung của ông.

Dịch thơ:

TẶNG ÔNG LÃNH BINH TRƯỞNG ĐỊNH

Đất thiêng Quảng Ngãi phát anh hùng,

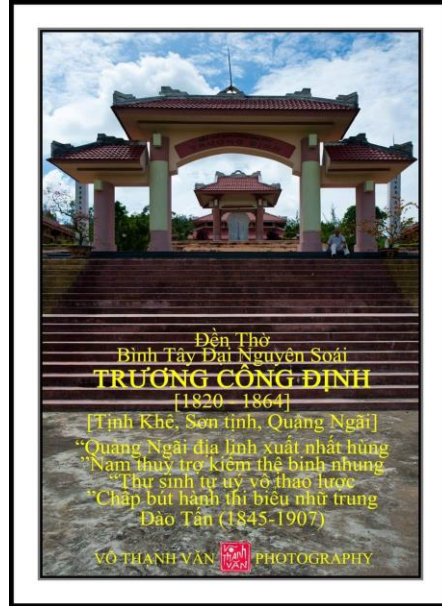
Thề với miền Nam quyết kiếm cung.

Thẹn tuổi học trò chưa đảm được,

Làm thơ ca tụng tấm gương trung.

VIỆT THAO phụng dịch

(San Jose, ngày 2- 2- 2006)



H 2: Thi ảnh minh họa của Võ Thạnh Văn

Bài 3

Nguyên tác:

哭黃光遠

子孝臣忠萬古傳，
捐軀報國令人憐。
珥河昔日興新浪
濃嶺當時靜舊煙。
城破將亡愁岸柳
物移星換恨湖鶻。
張巡許遠文丞相
可與黃公並比堅。

(夢梅詩存) [7]

Phiên âm:

KHỐC HOÀNG QUANG VIỄN

Tử hiếu thân trung vạn cổ truyền,
Quyên khu báo quốc linh nhân liên.
Nhĩ hà [8] tích nhật hưng tân lãng,
Nùng lĩnh đương thời tĩnh cựu yên.
Thành phá tướng vong sâu ngạn liễu,
Vật di tinh hoán hận hồ quyên.
Trương Tuần, Hứa Viễn, Văn Thừa tướng,

Khả dĩ Hoàng công tịnh tỹ kiên.

(Mộng Mai Thi Tôn)

Dịch xuôi:

Con hiếu tôi trung từ xưa muôn đời lưu truyền lại,
 Liều thân vì nước khiến người cảm thương.
 Sông Nhị Hà ngày xưa dâng sóng mới,
 Núi Nùng bây giờ lặng khói cũ.
 Thành vỡ, tướng mất, buồn thay hàng liễu trên bờ sông,
 Vật đời sao đổi, oán giận tiếng cuốc trên hồ.
 Các ông Trương Tuần, Hứa Viễn, Văn Thiên Tường,
 Có thể cùng với ông Hoàng (Diệu) sánh vai mãi mãi.

Dịch thơ:

KHÓC HOÀNG QUANG VIỄN [9]

Tôi trung, con hiếu tiếng muôn đời,

Vì nước liều thân cảm động người.

Sông Nhị ngày xưa dâng sóng mới,

Núi Nùng đương buổi lặng mây trôi.

Thành tan tướng mất đau bờ liễu,

Vật đổi sao dời hận tiếng quyên.

Hứa Viễn, Trương Tuần, Văn tướng Tống,

Sánh cùng Quang Viễn, xứng bèn thôi.

VIỆT THAO phụng dịch.

(Sài Gòn, 25- 4- 1995)

Bài 4

Nguyên tác:

哭潘廷元

破竹真能復舊京

十年功績痛垂成。

但悲金幣堅和議

忍使香盆聚哭聲。

手挽山河心未死

身騏箕尾氣猶生。

經過當日班師地

千古令人涕淚橫。

(夢梅詩存)

Phiên âm:

KHỐC PHAN ĐÌNH NGUYỄN

*Phá trúc chân năng phục cựu kinh,
Thập niên công tích thống thù thành.
Đã bi kim tệ kiên hòa nghị,
Nhẫn sử hương bồn tỵ khóc thanh.
Thủ vãn sơn hà tâm vị tử,
Thân kỳ Cơ, Vĩ khí do sanh.
Kinh qua đương nhật ban sư địa,
Thiên cổ linh nhân thế lệ hoành.*

(Mộng Mai Thi Tồn)

Dịch xuôi:

Thế chẻ tre rất có thể khôi phục kinh đô cũ,
Công trạng thành tích trong mười năm, đau xót cho sự nghiệp sắp thành!
Buồn thay vì vàng bạc mà (triều đình) quyết định chủ hòa,
Và nỡ nhẫn tâm khiến cho bình hương phải tích tụ tiếng khóc.
Ra tay cứu vớt non sông, tấm lòng son ấy không thể nào chết,
Thân đã cưỡi sao Cơ sao Vĩ mà khí phách vẫn còn sống mãi.
Đi qua vùng đất thắng trận thời bấy giờ,
Dù đã xa xưa cũng còn khiến người đời phải sụt sùi tuôn lệ.

Dịch thơ:

KHỐC PHAN ĐÌNH NGUYỄN
(tức Phan Đình Phùng).

*Có thế chẻ tre dựng cựu thành,
Mười năm công tích, xót tan thành.
Nghị hòa vàng bạc ai xui vậy,
Khóc tỵ bình hương vẫn nỡ đành.
Tay cứu non sông lòng chẳng chết,
Thân về Cơ Vĩ phách còn sanh.
Qua nơi thắng trận ngày xưa ấy,
Vẫn khiến người đời cảm lệ nhanh.*

VIỆT THAO phỏng dịch
(San Jose, ngày 18- 2- 1999)**Bài 5**

Nguyên tác:

憶潘珊

昔年秋戰奪危科
今日他鄉苦若何。

但願人民如此士
不愁定國與安家。

(夢梅詩存)

Phiên âm:

ỨC PHAN SAN

*Tích niên thu chiến đoạt nguy khoa,
Kim nhật tha hương khổ nhược hà?
Đản nguyện nhân dân như thử sĩ,
Bất sầu định quốc dữ an gia.*

(Mộng Mai Thi Tồn)

Dịch xuôi:

Mùa thu năm xưa tranh chiếm được ngôi cao ở khoa thi
Ngày nay ở xứ lạ quê người vất vả thế nào?
Chỉ muốn dân chúng như người trí thức ấy
Thì nước vững, nhà yên, chẳng buồn lo gì nữa.

Dịch thơ:

NHỚ PHAN BỘỊ CHÂU

*Mùa thu năm ấy đoạt khoa cao,
Nay lại xa quê cực lắm nào?
Chỉ muốn dân mình noi chí ấy,
Yên nhà vững nước chẳng buồn đau.*

VIỆT THAO phụng dịch

San Jose, ngày 24- 3- 1994

Bài 6

Nguyên tác:

菩薩蠻

其一

郎情秋後簫疏葉
妾心陌上悠揚蝶。
何處望歸鞍
春雲山外山。
梨花新月下
獨自燒香罷。
惟有夢相尋
驚鳥啼夜深。

(夢梅詞錄)

Phiên âm:

BỒ TÁT MAN

Kỳ Nhất

*Lang tình thu hậu tiêu sơ điệp,
Thiếp tâm mạch thượng du dương điệp.
Hà xú vọng quy yên?
Xuân vân sơn ngoại sơn.
Lê hoa tân nguyệt hạ,
Độc tỵ thiêu hương bãi.
Duy hữu mộng tương tâm,
Kính ô đề dạ thâm.*

(Mộng Mai Từ Lục)

Dịch xuôi:

BÀI TỪ BỒ TÁT MAN 1

Tình anh (như) lá tiêu điều sau mùa thu,
Lòng em (như) bướm lượn trên con đường nhỏ.
Biết nơi nào mà trông ngóng yên ngựa trở về,
Mây mùa xuân dựng thành núi ở ngoài dãy núi.
Hoa lê dưới ánh trăng non,
Mỗi một mình, thôi không đốt hương nữa.
Chỉ còn tìm nhau trong giấc mộng,
Giật mình sợ hãi vì tiếng quạ kêu giữa đêm thâu.

Dịch thơ 1:

ĐIỆP BỒ TÁT MAN

Bài Một

*Tình anh chiếc lá cuối thu,
Lòng em lối nhỏ bướm ru lượn vòng.
Ngựa về, biết hướng nào trông?
Mây xuân dựng núi ngoài thông núi ngàn.
Trăng non nhuộm đóa lê vàng.
Một mình, thôi hết lạnh tàn lửa hương.
Chỉ còn trong mộng trao thương,
Đêm khuya tiếng quạ kêu sương, giật mình.*

VIỆT THAO phụng dịch

San Jose, ngày 20- 4- 1994

Dịch thơ 2:

*Tình chàng lá úa thu tàn,
Lòng em cánh bướm đầu đàn nhón nhơ.*

Nơi nao yên ngựa ngóng chờ,
 Mây xuân núi dựng ngoài bờ núi xa.
 Hoa lê nở dưới trăng tà,
 Một mình hương lửa nhạt nhòa phai mau.
 Chỉ còn trong mộng tìm nhau,
 Giật mình tiếng quạ đêm thâu hãi hùng.
 MỘNG BÌNH SƠN dịch

Bài 7

Nguyên tác:

菩薩蠻

其二

去年不比前年好
 今年更比去年老。
 未老是雄心
 殷憂國難深。
 九邊烽火急
 一派丞平意。
 不必問梅花
 寒枝盡暮鴉。

(夢梅詞錄)

Phiên âm:

BỒ TÁT MAN

Kỳ Nhị

Khứ niên bất tỷ tiên niên hảo,
 Kim niên cánh tỷ khứ niên lão.
 Vị lão thị hùng tâm,
 Ân ưu quốc nạn thâm.
 Cứu biên phong hỏa cấp,
 Nhất phái thừa bình ý.
 Bất tất vấn mai hoa,
 Hàn chi tận mộ nha.

(Mộng Mai Từ Lục)

Dịch xuôi:

BÀI TỪ BỒ TÁT MAN 2

Năm ngoái không tốt lành bằng năm kia,
 Năm nay già hơn năm ngoái.

Chưa già ấy chính là lòng hăng hái quả cảm,
 Lo sâu vì tai nạn lớn của nước.
 Chín mặt lửa hiệu báo khẩn cấp có chiến tranh,
 Một nhóm ý muốn hòa hảo.
 Không cần phải hỏi hoa mai,
 Buổi chiều quạ đã đậu đầy trên cành cây hoang lạnh.

Dịch thơ:

ĐIỀU BỒ TÁT MAN

Bài Hai

*Năm qua chẳng khỏe bằng xưa,
 Nay so năm ngoái già nua sức mòn.
 Chưa già, nhiệt huyết ấy còn,
 Mãi lo nạn nước đấm vòng điêu linh.
 Chín bề lửa báo chiến chinh,
 Một phe vẫn giữ ý xin nghị hòa.
 Cần gì phải hỏi mai hoa,
 Cành trơ quạ đậu chiều tà lạnh hoang.*

VIỆT THAO phụng dịch

(San Jose, ngày 20- 4- 1994)



H3: Thi ảnh minh họa của Nguyễn Cẩm Thi

Bài 8

Nguyên tác:

蝶戀花

長日漫漫飛柳絮

池館淒涼。

獨自閑凝佇

枝上杜鵑啼不住。
夕陽影裡微微雨
簾外春山山外樹。
一望青青
迷卻天涯路。
多少閑愁無可訴
卻看雙燕銜花舞。

(夢梅詞錄)

Phiên âm:

ĐIỆP LUYẾN HOA

*Trùng nhật man man phi liễu nhú,
Trì quán thê lương.*

*Độc tự nhàn ngưng trử,
Chi thượng đở quyên đê bất trụ.
Tịch dương ảnh lý vi vi vũ,
Liêm ngoại xuân sơn, sơn ngoại thụ.
Nhất vọng thanh thanh,
Mê khước thiên nhai lộ.
Đa thiếu nhàn sâu vô khả tở,
Khước khán song yển hàm hoa vũ.*

(Mộng Mai Từ Lục)

Dịch xuôi:

BƯỚM MẾN HOA

Ngày dài dằng dặc tơ liễu bay mờ mịt,
Hiu quạnh quán bên ao.
Một mình đứng lặng yên,
Trên cành cây chim cuốc kêu khóc không dứt.
Ánh mặt trời sắp lặn trong mưa phùn lất phất,
Núi mùa xuân ở ngoài rèm, và hàng cây ngoài núi.
Trông xa một màu xanh ngắt,
Mãi mê con đường bên trời.
Bao nhiêu nỗi buồn thảm không thổ lộ ra được,
Ngoảnh nhìn đôi chim én ngậm hoa bay lượn như múa.

Dịch theo nguyên điệu:

ĐIỆP LUYẾN HOA

*Ngày dài tơ liễu bay mờ ảo,
Lạnh quán bên ao.*

Một mình đứng yên lặng,
 Trên cành chim cuốc kêu không dứt.
 Ánh trời chiều trong mưa lất phất,
 Núi xuân ngoài rèm, cây ngoài núi.
 Trông vời xanh xanh,
 Đường ven trời mê mãi.
 Biết bao buồn không sao thổ lộ,
 Nhìn đôi én ngậm hoa bay lượn.

Dịch thơ:

Ngày dài tơ liễu bay mờ,
 Quạnh hiu chiếc quán bên bờ ao nghiêng.
 Một mình ta đứng lặng yên,
 Trên cành tiếng cuốc trên miên gọi buồn.
 Ánh chiều lất phất mưa phùn,
 Núi xuân rèm chắn cây vùn núi ngoài.
 Vời trông xanh ngắt một màu,
 Mãi mê con lộ thông nhau ven trời.
 Buồn không nói được nào vơi,
 Nhìn đôi chim én bay vờn ngậm hoa.

VIỆT THAO phụng dịch
 (San Jose, ngày 15- 8- 1999)

Bài 9

Nguyên tác:

綺羅香
 塞雁南飛
 江雲北渡。
 畫角悲涼如訴
 錦繡江山。
 藹藹碧雲將暮
 正風吹落日荒成。
 又雨打亂煙飛絮
 莽男兒為國犧牲。
 長槍匹馬殺仇去
 遼陽誰問白骨。
 但看人間孤墳

哀哀無主。
 胡馬燕塵
 夢理由懷驚懼。
 恨書生多負時間
 還作甚斷腸詩句。
 點中宵尚在酣眠
 聞雞應起舞。

(夢梅詞錄)

Phiên âm:

Ý LA HƯƠNG

*Tái nhận nam phi,
 Giang vân bắc độ.
 Họa giốc bi lương như tổ,
 Cẩm tú giang sơn.
 Ái ái bách vân tương mộ,
 Chính phong xuy lạc nhật hoang thành.
 Hựu vũ đả loạn yên phi như,
 Mãng nam nhi vị quốc hy sinh.
 Trường thương thất mã sát cừu khí,
 Liêu dương thùy vấn bạch cốt.
 Đãn khán nhân gian cô phần,
 Ai ai vô chủ.
 Hồ mã Yên trần,
 Mộng lý do hoài kinh cụ.
 Hận thư sinh đa phụ thời gian,
 Hoàn tác thậm đoạn trường thi cú.
 Điểm trung tiêu thượng tại hàm miên,
 Văn kê ưng khỉ vũ.*

(Mộng Mai Từ Lục)

Dịch xuôi:

BÀI TỪ Ý LA HƯƠNG

Nhận ải bay về Nam,
 Sông mây qua hướng Bắc.
 Tiếng tù và dùi dặt như khóc than thảm thiết,
 Non sông gấm vóc.
 Mây xanh biếc ùn lên chiều sẫm tối,
 Chính ngọn gió lửa làm mặt trời lặn thành hoang vu

Lại thêm mưa táp, hoa lau bay trong khói,
 Phần đông trai tráng vì nước quên mình.
 Giáo dài một ngựa ra đi giết giặc thù,
 Nào ai biết đến xương trắng ở Liêu Dương.
 Nhưng cũng thấy những nấm mồ hoang trong cõi đời,
 Buồn thương không chủ.
 Ngựa Hồ tung bụi đất Yên,
 Là nguyên do nỗi sợ hãi lớn vờn trong giấc chiêm bao.
 Giận kẻ học trò đã hò hững với thời gian,
 Còn đoái làm thơ đau đớn quá.
 Nửa đêm đang giấc ngủ say nồng,
 Nghe tiếng gà gáy vùng dậy múa kiếm.

Dịch theo nguyên điệu:

ĐIỀU Ý LA HƯƠNG

*Nhạn ai bay Nam,
 Sông mây qua Bắc.
 Tù và khóc than diu dặt,
 Gấm vóc non sông.
 Mây biếc ùn ùn chiều tắt,
 Gió lùa trời sấm tối thành hoang.
 Mưa táp hoa lan bay trong khói,
 Nhiều trai trẻ vì nước quên mình.
 Giáo dài ngựa chiếc tìm giặc giết,
 Liêu Dương xương trắng ai biết.
 Cũng thấy mồ hoang trên đời,
 Buồn thương không chủ.
 Ngựa Hồ bụi Yên,
 Sợ hãi trong mơ vờn mãi.
 Giận học trò hò hững thời gian,
 Còn đoái làm thơ đau đớn quá.
 Nửa đêm đang giấc ngủ say nồng,
 Gà gáy dậy múa kiếm.*

VIỆT THAO phụng dịch
 (San Jose, ngày 18- 08- 2019)

Bài 10

Nguyên tác:

水車

五月六月不雨天

踏車兒女歌且眠。
 詩人每道田家樂
 如此田家最可憐。
 陶進

Phiên âm:

THỦY XA

*Ngũ nguyệt, lục nguyệt bất vũ thiên,
 Đạp xa nhi nữ ca thả miên.
 Thi nhân mỗi đạo điền gia lạc,
 Như thử điền gia tối khả liên.*

ĐÀO TẤN

(Thơ Và Từ Đào Tấn)

Dịch xuôi:

Tháng năm tháng sáu trời không mưa,
 Đạp guồng xe nước, cô gái vừa hát vừa ngủ gật.
 Nhà thơ cho rằng nhà nông vui mừng,
 Nhà nông như thế đấy, rất đáng thương.

Dịch thơ:

XE ĐẠP NƯỚC

*Tháng năm tháng sáu chẳng lần mưa,
 Chân đạp mơ màng em hát đưa.
 Thơ nói nhà nông vui thích quá,
 Nhà nông thế đấy đáng thương chưa!*

VIỆT THAO phụng dịch

(Sài Gòn, ngày 10- 12- 1994)

Bài 11

Nguyên tác:

萬寿

一物其來有一身
 一身還有一乾坤。
 生知萬物備於我
 肯把三才別立根。

陶進

Phiên âm:

VẠN THỌ

Nhất vật kỳ lai hữu nhất thân,

*Nhứt thân hoàn hữu nhất kiên khôn.
 Sanh tri vạn vật bị ư ngã,
 Khẳng bả tam tài biệt lập căn.*

Tư liệu Đào Gia [10]

Dịch xuôi:

Vật này đến với ta tự nó đã có một thân,
 Một thân mà có đủ cả trời đất.
 Sống và biết rằng muôn vật cho ta đầy đủ,
 Thì cứ cầm lấy nó là ta thấu gồm ba cõi
 mà nguyên chúng có từ những gốc gác riêng.

Dịch thơ 1:

SỐNG LÂU

*Vật đến tự thân đã có rồi,
 Đất trời hội đủ một thân thôi.
 Sống nhờ cung ứng từ muôn vật,
 Năm ngón tam tài gốc khác nơi.*

VIỆT THAO phụng dịch
 (San Jose, ngày 31- 10- 1994)

Dịch thơ 2:

*Một vật bên thân mỗi thiết tha,
 Dọc ngang trời đất hẳn theo Ta...
 Muôn loài duy một cùng Ta đó,
 Ba cõi dù riêng cõi rã mà...*

Qui Nhơn, ngày 02- 5- 1992

Phụng dịch

Ngoại tôn MINH TÂN PHẠM HÀ HẢI



H 4: Dầu ngọn cây gậy trúc của Đào Tấn,
thờ tại từ đường ở làng Vinh Thạnh.
(Ảnh: Việt Thao chụp năm 1993)

Bài 12

Nguyên tác:

偶題

爾輩京来无事忙
名途豈盡属文章。
風塵老我驚勞碌
且漫争登戲笑場。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

NGÃU ĐỀ

Nhĩ bôi nguyên lai vô sự mang,
Danh đồ khởi tận thuộc văn chương.
Phong trần lão ngã kinh lao碌,
Thả mạn tranh đặng hí tiếu trường.

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Các con vốn không có chuyện gì mà phải bận rộn,
Đường công danh há chẳng phải cái đích của văn chương.
Gió bụi cuộc đời làm ta già đi nên sợ hãi sự vất vả lận đận,

Chớ chen lấn vào nơi sân khấu nức cười ấy.

Dịch thơ:

TÌNH CỜ ĐỀ THO

*Tục lụy, này con chưa vấn vương,
Công danh nào phải đích vãn chương.
Bụi trần cạn sức ta kinh sợ,
Chen lấn vào chi chốn hí trường.*

VIỆT THAO phụng dịch
(Sài Gòn, ngày 30- 4- 1995).

Bài 13

Nguyên tác:

除夕觀書偶得

歲屢更除習未除
夜分猶檢案頭書。
暮年省事偏耽此
應笑官場有蠹魚。

Phiên âm:

TRỪ TỊCH QUAN THƯ NGẪU ĐẮC

*Tuế lũ canh trừ, tập vị trừ,
Dạ phân do kiểm án đầu thư.
Mộ niên tỉnh sự thiên đam thú,
Ứng tiếu quan trường hữu đố ngư.*

(Tho Và Từ Đào Tấn)

Dịch xuôi:

Năm luôn thay đổi, nhưng thói quen chưa bỏ được,
Nửa đêm còn duyệt lại từng trang sách để ở đầu bàn
Tuổi già xem xét lại mọi việc, riêng ham mê điều ấy,
Bật cười thấy có một trong giới quan lại.

Dịch thơ:

**ĐÊM CUỐI NĂM,
NHÂN ĐỌC SÁCH VIẾT NÊN**
*Năm tháng đổi thay, thói chẳng thay,
Mãi xem trang sách giữa đêm nay.
Tuổi già ngẫm lại điều ham ấy,
Cười chốn quan liêu có một đây.*

VIỆT THAO phụng dịch
(San Jose, ngày 17- 8- 2019)

Bài 14

Nguyên tác:

生孙週月命名師儉示兒石

愛子生孫喜可知

命名師儉爾當思。

吾家世業惟耕讀

此外應非我所期。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

SINH TÔN CHU NGUYỆT MỆNH DANH**SƯ KIỆM [11] THỊ NHI THẠCH.***Ái tử sinh tôn hỉ khả tri,**Mệnh danh Sư Kiệt nhĩ đương ti (tu).**Ngô gia thế nghiệp duy canh đọc,**Thử ngoại ưng phi ngã sở kỳ.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Có được cháu sinh ra bởi đứa con yêu quý, nỗi mừng thấy rõ.

Con nghĩ có nên chẳng khi đặt tên cháu là Sư Kiệt,

Nghề nghiệp đời đời của nhà ta chỉ mỗi việc cày ruộng và đọc sách.

Ngoài hai việc ấy ra cha không còn mong điều gì khác.

Dịch thơ:

SINH CHÁU, MỪNG ĐẦY THÁNG,**ĐẶT TÊN LÀ SƯ KIỆM,****BẢO CHO CON THẠCH BIẾT.***Có cháu cho cha xiết nỗi mừng,**Đặt tên Sư Kiệt xét cho cùng.**Nhà ta nối nghiệp cày và đọc,**Ngoài nữa, không gì được thích ưng.*

VIỆT THAO phụng dịch

(San Jose, ngày 16- 2- 1999)

Bài 15

Nguyên tác:

除夕

鴻山風雨近何如

琴劍人來歲又除。
待到明朝看萬彙
晴和勝否未春初。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

TRỪ TỊCH

*Hồng Sơn phong vũ cận hà như,
Cầm kiếm nhân lai tuế hựu trừ.
Đãi đáo minh triều khan vạn vịnh,
Tình hòa thắng phủ vị xuân sơ.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Núi Hồng thời gian gần đây mưa gió như thế nào?
Người khách gươm đàn đến nơi này vào đêm cuối năm.
Đợi đến sáng mai thử xem muôn vật,
Phong cảnh có tươi mát hơn lúc chưa vào xuân không?

Dịch thơ:

ĐÊM CUỐI NĂM

*Nắng mưa mấy độ núi Hồng Lam,
Đón khách gươm đàn đêm cuối năm.
Chờ sáng nhìn xem muôn vật thử,
Có hơn cái lúc chưa vào xuân.*

VIỆT THAO phụng dịch
(San Jose, ngày 19- 2- 1999)

Bài 16

Nguyên tác:

歲旦偶成

逡巡五十六年華
已卅年春不在家。
笑我浮生如滿百
也應題詠遍天涯。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

TUẾ ĐÁN NGÃU THÀNH

*Thuần tuần ngũ thập lục niên hoa,
Dĩ tạp niên xuân bất tại gia.*

*Tiểu ngã phù sinh như mẫn bách,
Đã ưng đề vịnh biến thiên nhai.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Ngẫm xem thoát đã năm mươi sáu tuổi rồi,
Đã qua ba chục năm xuân không có ở nhà.
Cười ta, nếu sống được tròn trăm tuổi,
Cũng nên làm thơ ngâm vịnh cùng khắp chân trời.

Dịch thơ

ĐẦU NĂM TÌNH CỜ VIẾT NÊN

Thoát đã năm mươi sáu tuổi đời,

Vắng nhà ba chục cái xuân ơi!

Cười ta, nếu sống tròn trăm tuổi,

Muốn chỉ thơ ngâm khắp nẻo trời.

VIỆT THAO phụng dịch

(San Jose, ngày 25- 10- 1994)

Bài 17

Nguyên tác:

辛丑除夕

了得一年事

同游三日春。

竹符看放下

千慮又随人。

Phiên âm:

TÂN SỬU TRỪ TỊCH

Liễu đắc nhất niên sự,

Đồng du tam nhật xuân.

Trúc phù khan phóng hạ,

Thiên lự hựu tùy nhân.

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Công việc một năm đã xong,
Cùng vui hưởng ba ngày Tết.
Khi cây tre nêu vừa hạ xuống,
Ngàn nỗi lo bám theo ta.

Dịch thơ:

ĐÊM GIAO THỪA NĂM TÂN SỬU (1901)

*Xong việc một năm qua,
Ngày xuân chỉ có ba.
Tre nêu vừa hạ xuống,
Lo lắng bám theo ta.*

VIỆT THAO phụng dịch
(San Jose, ngày 25- 10- 1998)

Bài 18

Nguyên tác:

壬寅元旦試筆

元正一日好晴和
萬彙更新喜氣多。
慾向鴻藍通一問
十年遊客意如何。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

NHÂM DẦN NGUYÊN ĐÁN THÍ BÚT

*Nguyên chánh nhất nhật hảo tình hòa,
Vạn vịnh canh tân hỉ khí đa.
Dục hướng Hồng Lam thông nhất vấn,
Thập niên du khách ý như hà?*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Buổi sáng ngày đầu năm trời trong sáng và mát mẻ,
Muôn vật đổi mới, tươi thắm hơn nhiều.
Muốn hỏi đất Hồng Lam một lời cho hiểu ý,
Cảm nghĩ gì về khách ở xứ này đã mười năm.

Dịch thơ:

NGÀY ĐẦU NĂM NHÂM DẦN (1902) THỬ BÚT

*Nguyên Đán trời trong dịu ngọt ngào,
Phong quang thay đổi đẹp thêm vào.
Một lời muốn hỏi Hồng Lam nhé,
Khách ở mười năm, đấy nghĩ sao?*

VIỆT THAO phụng dịch
(San Jose, ngày 17- 2- 1999).

Bài 19

Nguyên tác:

癸卯除夕書懷

歲華似驛匆匆往
鄉夢隨春冉冉歸。
自笑浮生週甲子
未知五十九年非。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

QUÝ MÃO [12] TRỪ TỊCH THƯ HOÀI

*Tuế hoa tự dịch thông thông vãng,
Hương mộng tùy xuân nhiễm nhiễm quy.
Tự tiếu phù sinh châu Giáp Tý [13],
Vị tri ngũ thập cửu niên phi.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Năm tháng qua nhanh như ngựa trạm,
Giấc mộng quê hương dịu dàng theo xuân về.
Tự cười mình, trong kiếp phù sinh này nếu sống đến sáu mươi tuổi,
Vẫn chưa biết được lỗi lầm của tuổi năm mươi chín.

Dịch thơ:

**TẢ NỖI LÒNG ĐÊM GIAO THỪA
TẾT QUÝ MÃO (1903)**

*Năm tháng trôi nhanh ngựa trạm qua,
Xuân mang dịu dịu mộng quê nhà.
Cười thay, nếu sống tròn sáu chục,
Năm chín chưa hay những lỗi lầm.*

VIỆT THAO phụng dịch
(San Jose, ngày 16- 2- 1999)

Bài 20

Nguyên tác:

歲旦書懷

又是鴻藍第幾春
山河依舊歲華新。
坐傷兄弟皆垂暮
好將休致作閒人。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

TUẾ ĐÁN THƯ HOÀI

*Hưu thị hồng Lam đệ kỷ xuân,
Sơn hà y cựu, tuế hoa tân.
Tọa thương huynh đệ giai thùy mộ,
Hảo tương hưu trí tác nhàn nhân.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

ĐẦU NĂM TẢ NỠI LÒNG

Lại ở đất Hồng Lam mùa xuân thứ mấy rồi,
Núi sông như cũ, nhưng năm đổi mới đẹp đẽ.
Ngồi nghĩ thương cảm cho anh em đều về già,
Nghỉ hưu là cách tốt nhất để làm kẻ an nhàn.

Dịch thơ:

*Ở với Hồng Lam xuân mấy rồi,
Núi sông vẫn cũ, đổi năm thôi.
Anh em thương quá đều già cõi,
Tốt nhất về hưu để thành thoi.*

VIỆT THAO phụng dịch

San Jose, ngày 18- 8- 2019

Bài 21

Nguyên tác:

漫題

其舊匆匆去
其新得得來。
可憐岐路上
相見有塵埃。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

MẠN ĐỀ

*Kỳ cựu thông thông khứ,
Kỳ tân đắc đắc lai.
Khả liên kỳ lộ thượng,
Tương kiến hữu trần ai.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Cái cũ gấp gấp đi qua,

Cái mới cũng lăm lăm tới.
Thương thay ở đường ngã rẽ,
Thấy nhau đều dính bụi trần.

Dịch thơ:

VIẾT TẢN MẠN

*Cũ vừa gấp gấp qua,
Mới đã mau mau lại.
Thương nỗi đường ngã ba,
Thấy nhau đều lấm bụi.*

VIỆT THAO phụng dịch
(San Jose, ngày 3- 3- 1999).

Bài 22

Nguyên tác:

得召回京

再到驩城今幾春
江山風月久相親。
匆匆又向玉京去
慚愧人呼帝舊臣。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

ĐẮC TRIỆU HỒI KINH

*Tái đảo Hoan thành kim kỷ xuân,
Giang sơn phong nguyệt cửu tương thân.
Thông thông hựu hướng ngọc kinh khí,
Tâm quý nhân hô đế cựu thần.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Trở lại thành Hoan nay đã mấy mùa xuân,
Nơi đây, sông núi gió trăng quen thân với ta đã lâu rồi.
Lại lần nữa vội vàng về Kinh đô,
Thẹn thùng thay khi nghe ai gọi mình là bầy tôi cũ của vua.

Dịch thơ:

ĐƯỢC GỌI VỀ KINH

*Trở lại thành Hoan được mấy xuân,
Núi sông trăng gió đãi nhau thân.
Giờ đây vội vội về Kinh ngọc,
Thẹn quá, nghe ai gọi cựu thần.*

VIỆT THAO phụng dịch
(Sài Gòn, 15- 5- 1995)

Bài 23

Nguyên văn:

初秋往謁業師仁恩阮先生山墳感述

秋氣半山環古墓
春風一月憶先生。
乾坤嫩散歸來晚
空負吾師誨汝情。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

**SƠ THU VÃNG YẾT NGHIỆP SƯ
NHON ÂN NGUYỄN TIÊN SINH [14]
SƠN PHẦN CẢM THUẬT.**

*Thu khí bán sơn hoàn cổ mộ,
Xuân phong nhất nguyệt [15] ức tiên sinh.
Càn khôn nộn tán quy lai vãn,
Không phụ ngô sư hồi nhữ tình.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Hơi thu bao trùm ngôi mộ cũ ở sườn núi,
Nhớ khi đến học Thầy như một đêm có gió xuân.
Trời đất đã đảo lộn, mà lại về muộn,
Hối hận vì không nghe theo lời Thầy dạy bảo.

Dịch thơ:

**ĐẦU THU, VIẾNG MỘ NGUYỄN TIÊN SINH
THẦY DẠY NGHỀ Ở NHON ÂN,
CẢM XÚC VIẾT RA.**

*Mộ cổ, hơi thu quyện núi đồi,
Nhớ Thầy, cái thuở gió xuân oi.
Đảo điên thời thế nhưng về muộn,
Làm phụ Thầy ta đã dặn rồi!*

VIỆT THAO phụng dịch
San Jose, ngày 14- 2- 1999

Bài 24

Nguyên tác:

黃簡舟夜

扁舟一夜江湖遠
 浮世吾生憂樂多。
 早欲歸耕今又懶
 滄浪極目付酣歌。

(先嚴夢梅吟草)

Phiên âm:

HUỲNH GIẢN CHÂU ĐẠ
*Biển châu nhất dạ giang hồ viễn,
 Phù thế ngô sinh ưu lạc đa.
 Tảo dục quy canh, kim hựu lãn,
 Thương Lương cực mục phó hàm ca.*

(Tiên Nghiêm Mộng Mai Ngâm Thảo)

Dịch xuôi:

Một đêm trên chiếc thuyền nhỏ bơi trong sông hồ mênh mông
 Cuộc đời lên xuống của ta có lắm nỗi buồn vui.
 Mong được về sớm để cày ruộng nhưng nay lại sinh lười
 Sông Thương Lang vời trông xa hút phở mặc có vui say ca hát.

Dịch thơ:

ĐÊM ĐI THUYỀN
 ĐẾN BẾN HUỲNH GIẢN
*Thuyền con đêm trôi nước mênh mông,
 Đời tôi buồn vui lắm nỗi lòng.
 Về sớm cấy cày, nay lại biếng,
 Sông Thương ca hát mặc tình rong.*

VIỆT THAO phụng dịch
 (San Jose, ngày 5- 3- 1999)

Bài 25

Nguyên tác:

梅僧小照

微笑漏禪機
 風塵空滿衣。
 靈峯三十載
 未見此僧歸。

Phiên âm:

MAI TẶNG TIỂU CHIẾU

*Vi tiểu lậu thiên ky,
Phong trần không mãn y.
Linh phong tam thập tải,
Vị kiến thử Tặng quy!*

Tư liệu Đào Gia [16]

Dịch xuôi:

Mỉm cười là để mất cái cơ thiên,
Bụi trần đã phủ đầy áo.
Chùa Linh Phong, ba mươi năm rồi (xa cách),
Mà chưa thấy vị tặng ấy trở về.

Dịch thơ:

TẮM ẢNH MAI TẶNG
*Mỉm cười làm mất cơ thiên,
Ra đi trên áo cố nhiên bụi đời.
Linh Phong, ba chục năm rồi!
Mà Tặng chưa thấy tắm hơi trở về.*

VIỆT THAO phụng dịch
(San Jose, ngày 10- 5- 1999)

IV - THAY LỜI KẾT

Đào Tấn tuy làm quan Nam triều trong thời Pháp thuộc, nhưng ông vẫn giữ khí tiết của nhà Nho và bảo toàn thể diện cho triều đình. Vì thế Ông không thể nhắm mắt làm ngơ để cho những tên tay sai cậy thế quan thầy ngoại bang, thẳng tay hà hiếp cướp bóc dân lành tại xứ Trung Kỳ. Điển hình là vụ chém tên Bồi Ba, gia nhân của viên Khâm sứ, lúc Cụ Đào giữ chức Thừa Thiên Phủ doãn. Quách Tấn đã tường thuật vụ này trong *Tạp Chí Lành Mạnh*, xuất bản tại Huế trong đầu thập niên 1960. Vì giới hạn trang báo, chúng tôi chỉ trích đoạn đối đáp giữa Đào Tấn và viên Khâm sứ:

"Viên Khâm sứ tái mặt nói:

"- Tôi khuyên ngài hãy nể mặt tôi.

"Cụ nghiêm nét mặt đáp:

"- Tôi mong quan lớn biết trọng pháp luật Nam triều. Tôi thay mặt nhà vua để trị dân, để giữ an ninh, trật tự trong nước. Những kẻ phạm pháp, tôi phải trị tội, không ai được phép can thiệp. Như tên bồi này, quan lớn thử nghĩ, đối với tôi đây và có mặt quan lớn đó, mà hấn còn dám hành hung bực ấy, huống hồ đối với dân chúng và sau lưng quan lớn. Mà vì sao hấn có những hành động không kể đến phép nước như thế? Có phải tại quan lớn dung túng hấn hay không? Quan lớn đã trưởng ác cho hấn mà quan

lớn không biết. Nếu quan lớn muốn tha hãn, thì kiếm đây, ấn đây, tôi xin giao lại cho quan lớn.

“Viên Khâm sớ thất kinh đứng dậy xin lỗi, rồi nói cùng tên bồi:

“- Mây làm bậy thì mây chịu lấy, tao không làm sao được.

“Đoạn bỏ ra về.”

Với phong thái và tư cách ấy của Đào Tấn, ngay cả những viên quan Pháp cũng phải nể trọng. Thuyền trưởng Charles Gosselin, viết hồi ký trong quyển *L’empire d’Annam*, Librairie académique Perrin et cis, Paris, 1904, page 465 à 468 đề cập đến cuộc hội kiến với quan Tổng đốc Đào Tấn tại thành Nghệ An vào tháng 5- 1901. Vương Hồng Sển dịch sách này, và Vũ Ngọc Liên trích đăng (cả nguyên văn và bài dịch) trong tập *Thư Mục Tư Liệu Về Đào Tấn*, trang 31 - 39:

“Một đời tận tụy trong nhiều chức vụ quan trọng Đào Tấn vẫn tay trắng thanh bần, bao nhiêu ấy đủ thom danh hậu thế và làm cho đại nhơn vượt lên trên hãn nhiều đồng liêu khác ít được gương mẫu như đại nhơn.”

Thật vậy, sau 26 năm làm quan, từng giữ chức Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh), từng làm Thượng thư Bộ Công, Bộ Binh, Bộ Hình; thế mà Cụ Đào vẫn *“tay trắng, thanh bần”* không đủ chi phí đưa thi hài của thân mẫu về quê chôn như lời trăng trối của Mẹ lúc lâm chung, đành phải tạm an táng tại Huế, khi về hưu mới bốc hài cốt Mẹ đem theo về quê nhà: *“Trái lời trối, con đại gào khóc; Về núi cũ mẹ hiền hiển linh.”* (xem câu đối *“Si nhi đồng khóc vì tiền mệnh; Từ mẫu anh linh phản cố sơn”* trong bài *Lý Môn, Cửa Làng Vinh Thạnh*). Hơn nữa, lúc về hưu, những năm cuối đời, Cụ vẫn ở ngôi nhà lá mái cũ, lợp tranh vách đất, do cha mẹ để lại, không xây nổi một ngôi nhà gạch ngói khang trang.

Và cuối cùng là lời phẩm bình của Nguyễn Trọng Trì, danh tướng của Nguyễn soái Mai Xuân Thuồng, trong Phong trào Cần Vương tỉnh nhà, đã nhận xét về văn tài cụ Đào Tấn qua bài *“Độc Mộng Mai Từ Lục,”* nguyên tác bằng chữ Nho, Vũ Ngọc Liên và Mịch Quang dịch ra chữ Việt:

Gồi lạ đèn côi giấc chẳng thành,

“Mộng Mai Từ Lục” đọc thâu canh.

Luật âm phóng khoáng Tô khôn sánh,

Ý tứ cao xa Liễu khó bằng.

Sông núi, nước nhà, oằn nặng nghĩa

Trăng hoa, oanh liễu, lảng lai tình.

Ba năm chưa gặp ông Đào được,

Đọc hết từ ông, tựa thấy hình.

Theo ông Nguyễn, chỉ riêng các bài từ của ông Đào, chưa xét đến thơ, văn và hát tuồng, mà Tô Đông Pha (Su Dong Po; 1037 - 1101) không sánh nổi về luật âm, còn về tứ văn hơn cả Liễu Vĩnh (Liu Yong; 1004 - 1054), là hai từ gia nổi tiếng của Tàu.

Với Đào Tấn, nỗi nước tình nhà “oằn nặng nghĩa” đã gửi gắm vào các bài từ. Vì vậy, mặc dù đã “ba năm” ông Nguyễn “chưa gặp ông Đào được” nhưng “đọc hết từ ông” cũng đã “tựa thấy hình” ở con người và tấm lòng thiết tha của Ông đối với vận nước.

*Chưa già, nhiệt huyết ấy còn,
Mãi lo nạn nước đắm vòng điêu linh.*

(Bồ Tát Man, bài 2)

Và trong bài *Đắc Triệu Hồi Kinh*, ông Đào đã than thở “Thẹn quá, nghe ai gọi cựa thân!” Vâng, cổ nhân đã nói “văn tức là người.” Thật đúng vậy.

San Jose, ngày 20- 8- 2019

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

*Trích từ “Những Văn Thơ Dịch”
của Việt Thao*

GHI CHÚ

[1] Chép trong *Thư Mục Tư Liệu Về Đào Tấn* của Vũ Ngọc Liên (Qui Nhơn, Ủy Ban Khoa Học và Kỹ Thuật Nghệ Bình - Sở Văn Hóa và Thông Tin Nghệ Bình xuất bản, 1985), trang 110 - 113.

[2] Phan Bội Châu thành lập Duy Tân Hội năm 1904, tại Nam Thành Sơn Trang, tức nhà Nguyễn Hàm ở Quảng Nam, bầu Cường Để làm Hội chủ, mục đích đánh đuổi giặc Pháp, lập nền Quân chủ lập hiến của Quốc gia Trung Kỳ. Đến năm 1912, tại Quảng Châu (thủ phủ của tỉnh Quảng Đông) Duy Tân Hội giải tán để thành lập Việt Nam Quang Phục Hội, bao gồm cả 3 kỳ và cũng do Phan Bội Châu khởi xướng, nhưng đổi sang chính thể Việt Nam Dân Quốc, tuy vậy vẫn suy tôn Cường Để làm Hội trưởng.

[3] Mịch Quang; *Thân Thế Và Sự Nghiệp Nghệ Thuật Tuồng Đào Tấn*; “Đào Tấn Nhà Thơ Nghệ Sĩ Tuồng Xuất Sắc,” một tập, Nguyễn Văn Minh thu thập (Qui Nhơn, Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghệ Bình xuất bản, 1979); trang 26 chép: *Câu đôi điệu Mai Xuân Thuởng*.

[4] Vũ Ngọc Liên, *Thư Mục Tư Liệu Về Đào Tấn*, trang 104: *Câu đôi điệu Đê Niên*.

[5] Theo tài liệu của chú Đào Nghi Tư, thứ nam của Tú tài Đào Nhữ Thuần, nội tôn của Đào Tấn, thì câu cuối của bài *Đê Mai Sơn Thọ Viên* là: “Hảo bả mai hoa tác mộng hồn.” Việt Thao phụng dịch: “Khéo quyện hồn mơ kết đóa mai.”

[6] Thơ *Tặng Trương Công Định Lãn Binh*, gồm 3 bài thất ngôn tứ tuyệt, do Trương Quang Cẩm Thành sưu tầm và phổ biến trong *Đặc San Quảng Ngãi Bắc*

Cali, Xuân Ất Dậu 2005, chép ở các trang 161, 176, 177; ghi tên tác giả là cụ Đào Tấn.

[7] Bài Khốc Hoàng Quang Viễn, nguyên trong *Mộng Mai Thi Tôn*, trang 9. Ngoài ra còn thấy trong *Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam (1858 - 1920) Quyển I* (Hà Nội, nxb Văn Học, 1984), trang 464. Hai bản có vài chữ khác nhau, chúng tôi phối hợp 2 tài liệu để chọn từ thích hợp với nội dung câu văn.

[8] Sông chảy qua Hà Nội có hình cái tai nên được gọi là Nhĩ Hà. Theo *Từ Điển Phổ Thông*, chữ này còn có âm là “Nhị,” chẳng hạn chữ “Điều nhị” (貂珥), “Nhị bút” (珥筆).

[9] Hoàng Quang Viễn: nguyên có tên là Hoàng Kim Tích, sau cải danh là Hoàng Diệu (黃耀; 1829 - 1882), tự là Quang Viễn, hiệu là Tĩnh Trai. Ông người làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam; nay thuộc thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm 1848, khoa Mậu Thân, ông đỗ Cử nhân (52/52) tại Trường thi Thừa Thiên. Năm 1853, khoa Quý Sửu, đỗ Phó bảng, làm quan tới chức Tổng đốc Hà Ninh. Ngày 25- 4- 1882, tức mùng 8- 3- Nhâm Ngọ, đại tá Henri Rivière tấn công thành Hà Nội. Ông quyết chiến, nhưng vì có kẻ nội tuyến, thành vỡ. Ông vào Hành cung thảo tờ di chiếu, rồi ra Võ miếu thắt cổ tự tử chết theo thành.

[10] Cây gậy cụ Đào Tấn dùng chống đỡ lúc tuổi già hiện còn thờ tại tự đường làng Vinh Thạnh, có khắc bài thơ trên.

[11] Sư Kiệm, theo nghĩa đen: tiết kiệm là bậc thầy; nhưng suy nghĩ cho kỹ, chữ “kiệm” còn mang ý nghĩa có thể trở nên rất giàu, bởi sách có câu “*Kiệm năng trí phú.*” Cụ Đào Tấn không muốn đích tôn của mình mang cái tên có ý nghĩa là ham làm giàu mà xao lãng việc học, nên viết bài thơ này để nhắc nhở trưởng nam Đào Thụy Thạch về nghề nghiệp truyền thống của họ Đào Vinh Thạnh là cày ruộng và học hành.

[12] Tết Quý Mão (1903), cụ Đào được 59 tuổi ta.

[13] Chu (châu) Giáp Tý: đến năm sáu mươi tuổi.

[14] Nguyễn Tiên Sinh tức Nguyễn Diêu, biệt hiệu Quỳnh Phủ, người thôn Nhon Ân xã Phước Thuận huyện Tuy Phước, đỗ Tú tài khoa Tân Dậu (1861), thầy của Đào Tấn, vừa dạy chữ vừa dạy soạn tuồng.

[15] Cổ thư có câu “*Đắc thụ giáo ư minh sư như tọa xuân phong chi trung,*” nghĩa là: Được thầy giáo giỏi dạy như ngồi giữa ngọn gió xuân.

[16] Bài thơ *Mai Tăng Tiểu Chiếu* được cụ Đào Tấn viết trên tấm ảnh bán thân của mình. Năm 1995 còn thấy ảnh này được thờ ở nhà ông Đào Bình Chánh (cháu nội Cụ Đào) ở xóm Vinh Nam, làng Vinh Thạnh 1.

